TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 63/2019/DS-PT Ngày: 11-3-2019 V/v T/c HĐ bảo lãnh và đòi tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Lê Minh Tuấn

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trương Thị Tuyến, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 32/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Th, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp V, xã Th, huyện Th, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Ngọc Minh Ph, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ A, huyện Th, tỉnh L.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Ông U có mặt, bà Th và ông Ph vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, bản khai ngày 18/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, nguyên đơn Huỳnh Văn U trình bày tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/6/2017, ông Huỳnh Văn U có bảo lãnh cho bà Nguyễn Thị Th vay của ông Huỳnh Ngọc Minh Ph số tiền là 13.000.000đồng *(sau đây viết tắt từ đồng là đ)*, lãi suất 70.000đ/ngày. Bà Th hẹn đến ngày 20/6/2017 sẽ trả đủ số tiền trên cùng tiền lãi, nhưng đến hẹn bà Th không trả cho ông Ph. Ông Ph đã yêu cầu ông U trả cho ông Ph số tiền nợ gốc và nợ lãi. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nên ngày 03/7/2017, ông U đã trả cho ông Ph số tiền gốc, tiền lãi mà bà Th đã vay tổng cộng là 14.500.000đ, trong đó tiền nợ gốc là 13.000.000đ, tiền nợ lãi là 1.500.000đ. Do đó, ông U khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả lại khoản tiền 14.500.000đ mà ông đã trả nợ thay và tiền lãi tính trên số tiền 14.500.000đ theo mức lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 04/7/2017 đến ngày 16/11/2018 *(ngày xét xử sơ thẩm)*, số tiền lãi là 3.804.800đ.

Ngoài ra, ông U còn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải trả lại sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18kr mà bà Th đã mượn vào ngày 10/6/2017. Tuy nhiên, đến ngày 18/9/2018 ông U có đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, ông U rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Th trả 05 chỉ vàng 18 kr.

Bị đơn Nguyễn Thị Th đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của ông U, nhưng bà Th không có ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của ông U. Bà Th cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại văn bản ngày 27/3/2018 của ông Huỳnh Ngọc Minh Ph, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú chứng thực chữ ký của ông Ph ngày 28/3/2018 thể hiện: Ngày 10/6/2017, ông Ph có cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 13.000.000đ, lãi suất 70.000đ/ngày. Ông Huỳnh Văn U đứng ra bảo lãnh trả nợ thay trong trường hợp bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà Th hẹn 10 ngày trả nhưng đến hạn trả nợ thì bà Th không trả, nên ông Ph đã yêu cầu ông U trả nợ. Ngày 03/7/2017, ông U đã trả cho ông Ph tổng số tiền gốc và lãi là 14.500.000đ.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 335, 340, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U đối với bà Nguyễn Thị Th. Buộc bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền nợ gốc 14.500.000đ (mười bảy triệu đồng) và 3.805.000đ (ba triệu tám trăm lẻ năm ngàn đồng) tiền nợ lãi, tổng cộng 18.305.000đ (mười tám triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng).

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Th chậm trả thì bà Th còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông U đối với bà Th về việc yêu cầu trả 05 chỉ vàng 18 kr do ông U rút yêu cầu khởi kiện. Ông U có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự, nếu có yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 915.000đ (chín trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Huỳnh Văn U không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông U số tiền 763.000đ (bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông U đã nộp theo biên lai thu số 0004009 ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 14/12/2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị bản án sơ thẩm, nội dung:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" là không đầy đủ, không thống nhất giữa phần mở đầu, nội dung, nhận định và quyết định của bản án.

+ Về tiền lãi: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Th trả cho ông U số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,6%/tháng, trên số tiền 14.500.000đ là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi 1.500.000 đồng mà ông U đã trả cho ông Ph là vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép, do đó cần làm rõ ý kiến, yêu cầu của các đương sự về phần tiền lãi chênh lệch thừa vượt quá mức giới hạn cho phép; nếu không có sự thỏa thuận rõ ràng giữa ông U, bà Th và ông Ph khi ông U bảo lãnh nợ cho bà Th thì phải xem xét lại trách nhiệm trả nợ lãi giữa bà Th với ông U, giữa ông U với ông Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã xử, không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An liên quan đến tiền lãi và lãi suất.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố

tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th, ông Huỳnh Ngọc Minh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm, nhưng vắng mặt không có lý do. Trong vụ án này các đương sự không có kháng cáo, chỉ có kháng nghị của Viện Kiểm sát. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Th, ông Ph.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về quan hệ tranh chấp thấy rằng: Ông U khởi kiện bà Th với 02 nội dung là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và đòi tài sản" nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ghi 01 quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" là thiếu sót. Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về nội dung này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, điều chỉnh lại phần quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và đòi tài sản".

[2.2] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An liên quan đến việc tính lãi suất trên số tiền 14.500.000đ mà ông U đã đứng ra trả nợ thay cho bà Th, thấy rằng: Căn cứ quy định tại Điều 340 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên bảo lãnh (ông U) có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh (bà Th) thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện. Tuy nhiên, ông U và bà Th không có thỏa thuận nào về việc trả tiền lãi và mức lãi suất đối với khoản tiền mà ông U nhận bảo lãnh. Do đó, cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 làm căn cứ xác định nghĩa vụ trả lãi, mức lãi suất khi buộc bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông U. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ (mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là không vượt quá 20%/năm). Như vậy mức lãi suất trong trường hợp này được xác định bằng 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,6%/tháng là áp dụng không đúng luật. Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về nội dung này là có căn cứ, đúng luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cải sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi mà bà Th phải trả cho ông U tính trên số tiền 14.500.000đ từ ngày 03/7/2017 đến ngày 16/11/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) như sau: 14.500.000đ x 0,83%/tháng x 16 tháng 12 ngày = 1.973.739đ.

[2.3] Về kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An liên quan đến số tiền lãi 1.500.000đ mà ông U đã trả cho ông Ph, thấy rằng: Nội dung kháng nghị này là có cơ sở, đúng pháp luật. Tuy nhiên, thực tế ông U đã

thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi thay mặt cho bà Th trả cho ông Ph khoản tiền lãi 1.500.000 đồng này. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Th phải trả lại cho ông U phần tiền lãi 1.500.000đ này, bà Th cũng không kháng cáo, chứng tỏ bà Th đã chấp nhận, đây là sự tự nguyện của đương sự, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, nên không cần thiết phải điều chỉnh lại phần tiền lãi này như nội dung kháng nghị.

[2.4] Về nội dung kháng nghị liên quan đến phần quyết định án sơ thẩm ghi số tiền bằng chữ (mười bảy triệu đồng) trong khi ghi số tiền bằng số là 14.500.000đ là chưa chính xác là đúng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên *"Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông U đối với bà Th về việc yêu cầu trả 05 chỉ vàng 18 kr do ông U rút yêu cầu khởi kiện"* là chưa chính xác theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Lẽ ra phải tuyên *"Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả 05 chỉ vàng 18 Kr của ông U đối với bà Th"* mới đúng luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cho chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm những nội dung này.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, cải sửa một phần án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do vụ án chỉ có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Cải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 67/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Buộc bà Nguyễn Thị Th trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền 16.473.739đ *(mười sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng)*. Trong đó tiền nợ gốc là 14.500.000đ, tiền lãi là 1.973.739đ.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả 05 chỉ vàng 18 Kr của ông Huỳnh Văn U đối với bà Nguyễn Thị Th.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 823.686đ (*tính trên khoản tiền 16.473.739đ bà Th phải trả cho ông U*) án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Ông Huỳnh Văn U không phải chịu án phí, hoàn lại cho ông U số tiền 763.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004009 ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Khánh